

Số: /NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 21

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Pháp lệnh số 01/2018/QH14 ngày 22 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 776/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 7016/BC-HĐTD ngày 28/8/2023 của Hội đồng Thẩm định Quy hoạch tỉnh;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với một số nội dung chính như sau:

I. PHẠM VI RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi lập Quy hoạch tỉnh Quảng Trị bao gồm toàn bộ tỉnh Quảng Trị, với diện tích tự nhiên trên đất liền và đảo Cồn Cỏ là: 4.701,23 km², với 10 đơn vị hành chính gồm: Thành phố Đông Hà, Thị xã Quảng Trị và 8 huyện (Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Hướng Hóa, Đakrông, Triệu Phong, Hải Lăng và huyện đảo Cồn Cỏ).

Phần không gian biển được nghiên cứu lập quy hoạch có ranh giới trong là đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm (18,6 năm) và ranh giới ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm một khoảng cách 06 hải lý đối với vùng biển ven bờ và vùng biển quanh đảo Cồn Cỏ với phạm vi 06 hải lý xung quanh đảo.

Ranh giới tọa độ địa lý của tỉnh Quảng Trị là khoảng 16°18' đến 17°10' vĩ độ Bắc, 106°32' đến 107°34' kinh độ Đông. Phía Bắc giáp huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình; Phía Nam giáp huyện Phong Điền và A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế; Phía Đông giáp Biển Đông; Phía Tây giáp tỉnh Savanaket và Salavan (nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào).

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN; CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

1.1. Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, đảm bảo thống nhất với hệ thống quy hoạch quốc gia, đồng thời phù hợp với chiến lược phát triển bền vững, chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia.

1.2. Phát triển tỉnh Quảng Trị theo hướng xanh và bền vững, tương xứng với tiềm năng lợi thế, dựa trên ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích nghi, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

1.3. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội; chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế để có cơ chế, chính sách khai thác có hiệu quả sớm nhất thời cơ và lợi thế trong kỳ quy hoạch; đảm bảo đường biên giới ổn định, hòa bình, hữu nghị hợp tác và phát triển với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

1.4. Đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh theo hướng hiện đại, đồng bộ. Ưu tiên những dự án quan trọng, tạo sự đột phá và có tác động lan tỏa lớn; trọng tâm là các công trình, lĩnh vực kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nhằm phát huy hiệu quả kinh tế.

1.5. Chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, trọng tâm là tăng tỷ trọng ngành dịch vụ, nâng cao chất lượng, hiệu quả ngành công nghiệp, phát triển ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, phát triển kinh tế biển, kinh tế tuần hoàn và năng lượng tái tạo, gắn với xây dựng nông thôn mới một cách hiệu quả, bền vững. Chú trọng thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

1.6. Thúc đẩy cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; thúc đẩy nhanh chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; thực hiện thí điểm các mô hình sản xuất mới; tập trung hỗ trợ mọi mặt (thủ tục đầu tư, đất đai, hạ tầng, xúc tiến việc làm, chính sách thuế...) để thu hút đầu tư, tạo sức lan tỏa và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội; đặc biệt là các lĩnh vực được xác định là trọng điểm và đột phá.

1.7. Quan điểm về thúc đẩy liên kết vùng:

- Quy hoạch phải dựa trên lợi thế so sánh của tỉnh Quảng Trị trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ để phát huy tiềm năng của tỉnh, đặc biệt là về kinh tế biển, năng lượng sạch và dịch vụ - logistics trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, Bắc - Nam, du lịch sinh thái, để liên kết phát triển trong vùng, tăng cường thu hút mọi nguồn lực từ bên ngoài, cũng như phát huy nội lực để nâng cao tốc độ tăng trưởng;

- Liên kết phát triển các vùng trong tỉnh, là vị trí trung tâm liên kết nội vùng của khu vực Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ với ngoại vùng theo hướng Đông - Tây, đưa Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, trọng tâm là Khu bến cảng Mỹ Thủy trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa của khu vực và thế giới; tạo sự phân công hợp tác giữa các địa phương trong tỉnh nhằm phát huy có hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao đi kèm với chất lượng tăng trưởng, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm cho từng địa phương.

2. Tầm nhìn đến năm 2050

Quảng Trị trở thành tỉnh có nền kinh tế vững mạnh với cơ cấu chính là công nghiệp - dịch vụ và là một trong những động lực phát triển của khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, sớm hình thành trung tâm Hydro xanh Hải Lăng, Hướng Hóa (nhà máy năng lượng mặt trời, điện gió và nhà máy sản xuất Hydro - Amoniac) trong Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị; một trong những trung tâm năng lượng sạch của vùng và cả nước; tham gia tích cực và chủ động vào các hoạt động giao thương, liên kết trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây và là hạt nhân quan trọng trong chuỗi cung ứng thương mại, du lịch, vận tải và logistics giữa Quảng Trị với các nước gồm Lào, Thái Lan, Myanmar và các nước Đông Nam Á, Tây Á. Liên kết Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị với Khu công nghiệp Phong Điền (Thừa Thiên - Huế) để thành lập đặc khu kinh tế cửa mở Biển Đông.

3. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

3.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển tỉnh Quảng Trị đạt trình độ phát triển thuộc nhóm tỉnh khá của cả nước và có cơ cấu kinh tế cơ bản là một tỉnh công nghiệp - dịch vụ; phát triển hài hòa giữa các mục tiêu: kinh tế - xã hội - môi trường - an ninh quốc phòng - hợp tác khu vực, quốc tế; chủ động ứng phó hiệu quả với thiên tai và các tác động của biến đổi khí hậu. Tập trung đầu tư, hoàn thành đưa vào khai thác, phát huy hiệu quả kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo bước phát triển đột phá cho giai đoạn tiếp theo. Ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào tất cả các ngành, lĩnh vực để nhanh chóng số hóa nền kinh tế, cũng như rút ngắn tiến trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá của tỉnh, hướng tới mục tiêu cao nhất và cuối cùng là cải thiện và nâng cao hơn nữa đời sống nhân dân.

Khai thác hiệu quả các lợi thế của tỉnh trên tuyến hành lang hạ tầng theo hướng Bắc - Nam, hành lang Đông - Tây và khai thác hợp lý dải không gian ven biển, trở thành một trong những trung tâm kinh tế tổng hợp của khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, trung tâm hậu cần và trung chuyển hàng hóa của khu vực Đông Nam Á và các hành lang giao thông trong khu vực ASEAN, tiểu vùng sông Mêkông (GMS). Sớm hiện thực hóa hành lang kinh tế cửa khẩu La Lay - cảng Mỹ Thủy (Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị) theo Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 3/11/2022.

3.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể:

- Về kinh tế: (1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) giai đoạn 2021-2030 đạt 8,2%/năm trong đó giai đoạn 2021-2025 đạt 7,7%/năm, giai đoạn 2026-2030 đạt 8,7%/năm; (2) Cơ cấu kinh tế (tính theo GRDP): Nông nghiệp chiếm 10,5%, Phi nông nghiệp chiếm 84,5%, Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,0%; (3) GRDP bình quân đầu người người đạt khoảng 5.500 - 6.500 USD/người; (4) Tổng nhu cầu vốn đầu tư toàn xã hội (giá hiện hành) cả giai đoạn 2021 - 2030 khoảng 434 nghìn tỷ đồng, đến năm 2030 chiếm khoảng 47,4% GRDP; (5) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt trên 7,6%/năm; (6) Thuộc nhóm trung bình khá của cả nước về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số chuyển đổi số (DTI); (7) Thuộc nhóm khá của cả nước về Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI);

- Về xã hội: (1) Tổng quy mô dân số năm 2030 là khoảng 1.060.000 người, trong đó, dân số thường trú khoảng 700.000 người; (2) Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 42% - 48%; (3) Số bác sỹ/1 vạn dân là 12 bác sỹ; (4) Số giường bệnh/1 vạn dân là 37 giường; (5) Chỉ số phát triển con người (HDI) 2030 đạt trên 0,75; (6) Giảm tỷ lệ thất nghiệp trong lực lượng lao động xuống còn khoảng 2%; (7) Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1 - 1,5%/năm; (8) 70% trường học công lập được công nhận đạt chuẩn quốc gia; (9) Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 85%; (10) 85% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; (11) Trên 95% dân số tham gia

bảo hiểm y tế; (12) Thiết chế văn hóa cơ sở: 80% cấp huyện có Nhà thiếu nhi; 100% Trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã và Nhà văn hóa - khu thể thao thôn đạt chuẩn; 100% khu công nghiệp có trung tâm văn hóa, thể thao.

- Về tài nguyên và môi trường: (1) Duy trì tỷ lệ che phủ rừng trên 49%, nâng cao chất lượng rừng, bảo tồn và phục hồi rừng phòng hộ ven biển; (2) 99% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; (3) 98% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; (4) 100% khu, cụm công nghiệp hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường; (5) Trên 40% số đô thị có hệ thống xử lý chất thải đạt quy chuẩn môi trường; (6) 100% các cơ sở sản xuất được cấp giấy phép môi trường, xử lý dứt điểm các điểm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích (làng nghề, chợ, tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật, bãi rác...), không để phát sinh các cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng mới. (7) Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 90-100%; nông thôn đạt 80-90%; Xử lý 100% chất thải rắn nguy hại.

4. Các khâu đột phá phát triển trong giai đoạn quy hoạch:

4.1. Xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ để tạo điều kiện phát huy các tiềm năng phát triển của tỉnh. Tập trung huy động đa dạng hóa các nguồn lực nhằm đẩy nhanh triển khai thực hiện các dự án giao thông trọng điểm trên địa bàn tỉnh như: Cảng hàng không Quảng Trị; cảng biển Mỹ Thủy; đường ven biển kết nối với hành lang kinh tế Đông - Tây, Quốc lộ 15D - GD1 (kết nối cảng Mỹ Thủy với đường bộ cao tốc Cam Lộ - La Sơn); Cửa Việt - Lao Bảo; La Lay - Mỹ Thủy... và hệ thống giao thông liên vùng có tính kết nối cao như tuyến tránh phía Tây Quốc lộ 1; Đường Hùng Vương kéo dài,... đảm bảo đến năm 2030 cơ bản kết nối thông suốt bằng loại hình giao thông tốc độ cao dọc theo trục động lực Bắc - Nam và hành lang kinh tế Đông - Tây (bao gồm 02 tuyến Mỹ Thủy - La Lay và Đông Hà - Lao Bảo); Phát triển Khu bến cảng nước sâu Mỹ Thủy trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa của khu vực và thế giới.

4.2. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tạo môi trường đầu tư kinh doanh năng động của khu vực Bắc Trung Bộ. Phấn đấu đến năm 2025 nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, các chỉ số thành phần về chỉ số PCI và chỉ số cải cách hành chính của tỉnh sẽ được nâng dần vị trí xếp hạng, mỗi năm tăng từ 3-5 bậc, nằm trong nhóm địa phương có chất lượng điều hành Khá . Đến năm 2030, xây dựng tỉnh Quảng Trị thành tỉnh năng động về môi trường kinh doanh và đầu tư.

4.3. Thực hiện chuyển đổi số:

Đến năm 2025, thực hiện chuyển đổi số hướng tới Chính phủ số, xã hội số và kinh tế số song song với chuyển đổi nhận thức; kiến tạo thể chế; phát triển hạ tầng số; phát triển nền tảng số; bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Chuyển đổi số ở một số lĩnh vực trọng điểm như: hành chính công, giao thông, giáo dục, y tế, nông nghiệp, du lịch,... đạt được những thành tựu nhất định góp phần phát triển kinh tế của tỉnh nhanh và bền vững.

Đến năm 2030, hoàn thành thực hiện chuyển đổi số ở cả ba trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số gắn kết với cải cách hành chính và đô thị thông minh. Thực hiện đổi mới quản trị theo hướng hiện đại để đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển đổi số; đồng thời nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và ứng dụng nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI) trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số an toàn, rộng khắp.

4.4. Chuẩn bị và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền cơ chế vượt trội để khai thác tiềm năng, thế mạnh là tỉnh đầu cầu trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây. Phát triển nguồn nhân lực là một trong những ưu tiên hàng đầu của tỉnh, trong đó, nhấn mạnh vào việc tăng cường khả năng phối hợp giữa các bên có liên quan, bao gồm các cơ quan cấp quốc gia, các cơ quan cấp tỉnh; các đơn vị giáo dục - đào tạo và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tạo môi trường sinh sống và làm việc hấp dẫn nhằm thu hút nhân tài trong và ngoài nước. Từng bước hình thành thị trường lao động cung cấp cho khu vực và hành lang Đông - Tây.

5. Các nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn quy hoạch

5.1. Tiếp tục thực hiện các giải pháp hoàn thành mục tiêu xây dựng Quảng Trị trở thành Trung tâm năng lượng của miền Trung vào năm 2030, trong đó xác định năng lượng tái tạo là ngành trọng điểm. Tập trung phát triển các nguồn nhiệt điện khí và công nghiệp khí tại khu vực Đông Nam của tỉnh đã được có trong quy hoạch điện quốc gia; tiếp tục nghiên cứu và phát triển các nguồn năng lượng tái tạo tại những khu vực có lợi thế về điều kiện tự nhiên; xây dựng hệ thống lưới điện truyền tải đồng bộ nguồn điện, đặc biệt là các công trình lưới điện 500kV nhằm củng cố liên kết giữa tỉnh Quảng Trị với lưới điện truyền tải quốc gia; Tiếp tục phát triển lưới điện cấp cho phụ tải nhằm đảm bảo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5.2. Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, hình thành thương hiệu du lịch Quảng Trị trên cơ sở khai thác, phát huy lợi thế về sinh thái, văn hoá, biển đảo, giá trị biểu tượng về sự hồi sinh mạnh mẽ từ đổ nát do chiến tranh tàn phá, ký ức Chiến tranh - khát vọng Hòa Bình... và kết nối liên vùng trong hệ thống du lịch di sản miền Trung, cùng các hành lang kinh tế quốc gia, quốc tế.

Chú trọng thu hút đầu tư, huy động các nguồn lực đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật tạo động lực phát triển du lịch. Phát triển nguồn nhân lực du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới, thời đại cách mạng công nghiệp 4.0; phát triển du lịch thông minh, du lịch số,... gắn với chuyển đổi số. Gắn phát triển du lịch với bảo vệ môi trường, cảnh quan, ứng phó biến đổi khí hậu, tương tác với cộng đồng để hỗ trợ phát triển du lịch; phát triển hệ sinh thái du lịch đa dạng, dựa trên nền tảng sinh thái và cảnh quan môi trường tự nhiên, đồng thời, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống, các di tích lịch sử cách mạng, các công trình văn hóa - tâm linh, gắn với phát triển du lịch.

Phát triển du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo; trọng tâm là phát triển tam giác du lịch Cửa Tùng - Cửa Việt - đảo Cồn Cỏ và dải đô thị ven biển. Kết nối du lịch tìm hiểu lịch sử - chiến tranh cách mạng của Quảng Trị với du lịch các địa phương trong khu vực, đặc biệt phát triển sản phẩm du lịch DMZ trở thành sản phẩm du lịch đặc thù, gắn với bài học về Chiến tranh và giá trị của Hòa bình; đưa Trung tâm Hành hương Đức Mẹ La Vang trở thành điểm đến hành hương mang tầm quốc tế và kết nối vào các sản phẩm du lịch hành hương trên bản đồ du lịch hành hương thế giới. Đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái, cộng đồng, đặc biệt khu vực ven biển và phía Tây của tỉnh, tạo sinh kế bền vững cho các cộng đồng dân cư bản địa.

5.3. Xây dựng kết cấu hạ tầng logistic đồng bộ với hệ thống giao thông, trong đó, trọng tâm là các trung tâm logistics tại khu vực Hải Lăng, Gio Linh, Cam Lộ và Lao Bảo, Triệu Phong, La Lay, Đông Hà và kho, bãi hàng hóa. Xây dựng hoàn thành cảng biển nước sâu Mỹ Thủy và hai tuyến đường của hành lang Cửa Việt - Lao Bảo và La Lay - Mỹ Thủy, cùng với hạ tầng logistic để từng bước đưa cảng Mỹ Thủy trở thành trung tâm trung chuyển hàng hoá của khu vực và Thế giới.

Đồng thời, tập trung phát triển hạ tầng thương mại đô thị và nông thôn. Xã hội hóa trong đầu tư xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác Trung tâm thương mại, siêu thị và một số chợ đầu mối, chợ nông sản, thủy hải sản...; đẩy mạnh chuyển đổi số trong các thủ tục hải quan, xây dựng hạ tầng logistics đủ mạnh để doanh nghiệp khi đến đầu tư kinh doanh tại tỉnh Quảng Trị giảm được chi phí vận chuyển, giảm các khâu trung gian, qua đó tạo ra lợi thế cạnh tranh.

5.4. Phát triển công nghiệp chế biến với công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, quy hoạch các khu vực ưu tiên phát triển công nghiệp lấy dải không gian vùng đồng bằng cao và trung du (hai bên đường Quốc lộ 1 đến hai bên đường bộ cao tốc Bắc Nam) làm trọng điểm, kết hợp với khai thác hợp lý Khu Kinh tế Đông Nam, Khu Kinh tế Lao Bảo, Khu Kinh tế cửa khẩu La Lay.... Trong đó, dành các quỹ đất lớn, thuận lợi chuyển đổi chức năng tại các khu vực có thể kết nối thuận lợi với đường bộ cao tốc Bắc - Nam hoặc các hướng kết nối Đông - Tây từ đường cao tốc Bắc - Nam ra đến biển để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất quy mô lớn.

Một số ngành công nghiệp chế biến chính có thể bao gồm: (1) Công nghiệp chế biến gỗ: còn nhiều dư địa phát triển dựa trên vùng nguyên liệu lớn tại Quảng Trị cũng như các vùng lân cận, phấn đấu đưa đồ gỗ Quảng Trị trở thành thương hiệu địa phương nổi tiếng của Việt Nam và quốc tế; (2) Công nghiệp chế biến thủy sản: gắn công nghiệp chế biến thủy sản với khai thác, nuôi trồng, sử dụng có hiệu quả nguồn nguyên liệu có lợi thế của tỉnh, hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP, SQF, ISO,... đủ điều kiện xuất khẩu thủy sản trực tiếp sang các nước EU, Mỹ và các thị trường khác (3) Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản khác được phát triển để hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá, nâng cao giá trị chuỗi sản phẩm.

5.5. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ để tạo ra giá trị lớn hơn trên quỹ đất hạn chế, với nhiều sản phẩm đặc sản, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. ...

Phát huy tiềm năng, lợi thế từng tiểu vùng, vùng sinh thái (vùng núi, trung du, vùng đồng bằng và vùng cát..), sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ mới, công nghệ cao về giống, công nghệ sinh học, kỹ thuật sản xuất và thu hoạch, bảo quản, sơ chế, chế biến và kết nối thị trường tiêu thụ.

Phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực theo hướng sản xuất hàng hóa, hiện đại; khuyến khích sản xuất hữu cơ, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp; áp dụng hệ thống thực hành nông nghiệp tốt (GAP, hữu cơ, an toàn thực phẩm và các chứng nhận tương đương...), chất lượng, an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường và sức cạnh tranh sản phẩm, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; cải thiện nhanh hơn đời sống người nông dân.

Phát triển nông nghiệp đô thị, với rất nhiều chức năng bên ngoài việc sản xuất nông sản: cảnh quan, hạ tầng xanh, sinh thái, du lịch, nghỉ dưỡng,... để nâng cao giá trị trên diện tích đất canh tác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày tháng 12 năm 2023, có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UVTVQH, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở: KH&ĐT, TC; KBNN tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang